

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SYT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt Danh mục kỹ thuật Khám, chữa bệnh
thực hiện tại Trạm Y tế Cam An Nam

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định 15/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Khánh Hòa;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp mới Giấy phép hoạt động và Danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt thực hiện cho Trạm Y tế Cam An Nam của Trung tâm Y tế khu vực Cam Lâm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật Khám, chữa bệnh thực hiện tại Trạm Y tế Cam An Nam thuộc Trung tâm Y tế khu vực Cam Lâm theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Sở Y tế đề nghị Trạm Y tế Cam An Nam luôn đảm bảo, chịu trách nhiệm về các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị, xây dựng cập nhật quy trình nhằm thực hiện Khám chữa bệnh đầy đủ, thường xuyên danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt đúng theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các phòng thuộc Sở, Trạm Y tế Cam An Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Ngọc Hiệp

**DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM, CHỮA BỆNH PHÊ DUYỆT THỰC
HIỆN TẠI TRẠM Y TẾ CAM AN NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /8/2025 của Sở Y tế)

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
1	1.2	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
2	1.3	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục
3	1.5	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Làm test phục hồi máu mao mạch
4	1.10.	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Chăm sóc cathete tĩnh mạch
5	1.51	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Hồi sức chống sốc
6	1.52	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
7	1.53	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
8	1.54	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
9	1.57	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thở oxy qua gọng kính
10	1.58	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thở oxy qua mặt nạ không có túi
11	1.59	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van)
12	1.6	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van)
13	1.61	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
14	1.64	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
15	1.65	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
16	1.66	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Đặt ống nội khí quản
17	1.75	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
18	1.76	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
19	1.78	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Rút ống nội khí quản
20	1.86	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
21	1.157	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
22	1.158	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
23	1.16	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
24	1.164	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thông bàng quang
25	1.201	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Soi đáy mắt cấp cứu
26	1.211	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ
27	1.215	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
28	1.216	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Đặt ống thông dạ dày
29	1.218	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Rửa dạ dày cấp cứu
30	1.221	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thụt tháo
31	1.222	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thụt giữ
32	1.223	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Đặt ống thông hậu môn
33	1.224	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
34	1.225	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
35	1.228	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
36	1.229	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
37	1.239	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
38	1.24	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
39	1.246	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
40	1.25	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Kiểm soát đau trong cấp cứu
41	1.251	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
42	1.252	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
43	1.253	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
44	1.259	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Rửa mắt tẩy độc
45	1.26	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
46	1.261	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
47	1.262	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Gọi đầu cho người bệnh tại giường
48	1.263	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Gọi đầu tẩy độc cho người bệnh
49	1.264	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Tắm cho người bệnh tại giường
50	1.265	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Tắm tẩy độc cho người bệnh
51	1.266	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Xoa bóp phòng chống loét
52	1.267	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
53	1.269	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
54	1.27	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
55	1.271	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
56	1.272	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ
57	1.274	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp
58	1.275	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Băng bó vết thương
59	1.276	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
60	1.277	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
61	1.278	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
62	1.281	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
63	1.284	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Định nhóm máu tại giường
64	1.285	01. Hồi Sức Cấp Cứu Và Chống Độc	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường
65	2.1	02. Nội Khoa	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
66	2.4	02. Nội Khoa	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
67	2.9	02. Nội Khoa	Chọc dò dịch màng phổi
68	2.1	02. Nội Khoa	Chọc tháo dịch màng phổi
69	2.11	02. Nội Khoa	Chọc hút khí màng phổi
70	2.28	02. Nội Khoa	Kỹ thuật ho có điều khiển
71	2.29	02. Nội Khoa	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
72	2.31	02. Nội Khoa	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
73	2.32	02. Nội Khoa	Khí dung thuốc giãn phế quản
74	2.6	02. Nội Khoa	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút
75	2.61	02. Nội Khoa	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
76	2.67	02. Nội Khoa	Thay canuyn mở khí quản

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
77	2.68	02. Nội Khoa	Vận động trị liệu hô hấp
78	2.85	02. Nội Khoa	Điện tim thường
79	2.97	02. Nội Khoa	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
80	2.111	02. Nội Khoa	Nghiệm pháp atropin
81	2.128	02. Nội Khoa	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
82	2.149	02. Nội Khoa	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
83	2.15	02. Nội Khoa	Hút đờm hầu họng
84	2.151	02. Nội Khoa	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
85	2.156	02. Nội Khoa	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường
86	2.157	02. Nội Khoa	Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
87	2.163	02. Nội Khoa	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
88	2.164	02. Nội Khoa	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
89	2.165	02. Nội Khoa	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường
90	2.166	02. Nội Khoa	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)
91	2.167	02. Nội Khoa	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da
92	2.173	02. Nội Khoa	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ
93	2.177	02. Nội Khoa	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
94	2.188	02. Nội Khoa	Đặt sonde bàng quang
95	2.195	02. Nội Khoa	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
96	2.232	02. Nội Khoa	Rửa bàng quang lấy máu cục
97	2.233	02. Nội Khoa	Rửa bàng quang
98	2.241	02. Nội Khoa	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
99	2.242	02. Nội Khoa	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
100	2.243	02. Nội Khoa	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
101	2.244	02. Nội Khoa	Đặt ống thông dạ dày
102	2.247	02. Nội Khoa	Đặt ống thông hậu môn
103	2.313	02. Nội Khoa	Rửa dạ dày cấp cứu
104	2.314	02. Nội Khoa	Siêu âm ổ bụng
105	2.336	02. Nội Khoa	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân
106	2.337	02. Nội Khoa	Thụt thuốc qua đường hậu môn
107	2.338	02. Nội Khoa	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
108	2.339	02. Nội Khoa	Thụt tháo phân
109	2.349	02. Nội Khoa	Hút dịch khớp gối
110	2.351	02. Nội Khoa	Hút dịch khớp gối háng
111	2.353	02. Nội Khoa	Hút dịch khớp gối khuỷu
112	2.355	02. Nội Khoa	Hút dịch khớp cổ chân
113	2.357	02. Nội Khoa	Hút dịch khớp cổ tay
114	2.359	02. Nội Khoa	Hút dịch khớp vai
115	2.361	02. Nội Khoa	Hút nang bao hoạt dịch
116	2.363	02. Nội Khoa	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
117	2.381	02. Nội Khoa	Tiêm khớp gối

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
118	2.382	02. Nội Khoa	Tiêm khớp háng
119	2.383	02. Nội Khoa	Tiêm khớp cổ chân
120	2.384	02. Nội Khoa	Tiêm khớp bàn ngón chân
121	2.385	02. Nội Khoa	Tiêm Khớp cổ tay
122	2.386	02. Nội Khoa	Tiêm khớp bàn ngón tay
123	2.387	02. Nội Khoa	Tiêm khớp đốt ngón tay
124	2.388	02. Nội Khoa	Tiêm khớp khuỷu tay
125	2.389	02. Nội Khoa	Tiêm khớp vai
126	2.479	02. Nội Khoa	Nghiệm pháp đánh giá rối loạn nuốt tại giường cho người bệnh tai biến mạch máu não
127	2.641	02. Nội Khoa	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều
128	2.642	02. Nội Khoa	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều
129	3.44	03. Nhi Khoa	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
130	3.46	03. Nhi Khoa	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường
131	3.47	03. Nhi Khoa	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
132	3.51	03. Nhi Khoa	Ép tim ngoài lồng ngực
133	3.76	03. Nhi Khoa	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.
134	3.77	03. Nhi Khoa	Đặt ống nội khí quản
135	3.87	03. Nhi Khoa	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
136	3.89	03. Nhi Khoa	Khí dung thuốc cấp cứu
137	3.93	03. Nhi Khoa	Vận động trị liệu hô hấp
138	3.96	03. Nhi Khoa	Mở khí quản qua da cấp cứu
139	3.102	03. Nhi Khoa	Chăm sóc lỗ mở khí quản
140	3.104	03. Nhi Khoa	Mở màng giáp nhân cấp cứu
141	3.105	03. Nhi Khoa	Thổi ngạt
142	3.106	03. Nhi Khoa	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
143	3.107	03. Nhi Khoa	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
144	3.108	03. Nhi Khoa	Thở oxy gọng kính
145	3.109	03. Nhi Khoa	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
146	3.11	03. Nhi Khoa	Thở oxy qua mặt nạ có túi
147	3.111	03. Nhi Khoa	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
148	3.112	03. Nhi Khoa	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn
149	3.113	03. Nhi Khoa	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
150	3.125	03. Nhi Khoa	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
151	3.13	03. Nhi Khoa	Vận động trị liệu bàng quang
152	3.131	03. Nhi Khoa	Rửa bàng quang lấy máu cục
153	3.132	03. Nhi Khoa	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
154	3.133	03. Nhi Khoa	Thông tiểu
155	3.134	03. Nhi Khoa	Hồi sức chống sốc
156	3.137	03. Nhi Khoa	Xử trí tăng áp lực nội sọ
157	3.149	03. Nhi Khoa	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
158	3.15	03. Nhi Khoa	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
159	3.151	03. Nhi Khoa	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu
160	3.152	03. Nhi Khoa	Soi đáy mắt cấp cứu
161	3.153	03. Nhi Khoa	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)
162	3.164	03. Nhi Khoa	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu
163	3.165	03. Nhi Khoa	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
164	3.167	03. Nhi Khoa	Đặt ống thông dạ dày
165	3.168	03. Nhi Khoa	Rửa dạ dày cấp cứu
166	3.169	03. Nhi Khoa	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
167	3.171	03. Nhi Khoa	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
168	3.172	03. Nhi Khoa	Cho ăn qua ống thông dạ dày
169	3.175	03. Nhi Khoa	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
170	3.178	03. Nhi Khoa	Đặt sonde hậu môn
171	3.179	03. Nhi Khoa	Thụt tháo phân
172	3.18	03. Nhi Khoa	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
173	3.181	03. Nhi Khoa	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay
174	3.187	03. Nhi Khoa	Kiểm soát đau trong cấp cứu
175	3.188	03. Nhi Khoa	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh
176	3.19	03. Nhi Khoa	Lấy máu mao mạch tại giường
177	3.192	03. Nhi Khoa	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
178	3.194	03. Nhi Khoa	Tắm cho người bệnh tại giường
179	3.195	03. Nhi Khoa	Tắm tẩy độc cho người bệnh
180	3.196	03. Nhi Khoa	Gội đầu cho người bệnh tại giường
181	3.197	03. Nhi Khoa	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
182	3.198	03. Nhi Khoa	Vệ sinh răng miệng đặc biệt
183	3.199	03. Nhi Khoa	Xoa bóp phòng chống loét
184	3.2	03. Nhi Khoa	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
185	3.201	03. Nhi Khoa	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
186	3.202	03. Nhi Khoa	Băng bó vết thương
187	3.203	03. Nhi Khoa	Cầm máu (vết thương chảy máu)
188	3.204	03. Nhi Khoa	Vận chuyển người bệnh an toàn
189	3.207	03. Nhi Khoa	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê
190	3.208	03. Nhi Khoa	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
191	3.21	03. Nhi Khoa	Tiêm truyền thuốc
192	3.242	03. Nhi Khoa	Liệu pháp thư giãn luyện tập
193	3.257	03. Nhi Khoa	Xử trí người bệnh kích động
194	3.258	03. Nhi Khoa	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính
195	3.259	03. Nhi Khoa	Xử trí người bệnh không ăn
196	3.26	03. Nhi Khoa	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần
197	3.264	03. Nhi Khoa	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình
198	3.265	03. Nhi Khoa	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần
199	3.266	03. Nhi Khoa	Liệu pháp giải thích hợp lý
200	3.267	03. Nhi Khoa	Liệu pháp lao động

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
201	3.268	03. Nhi Khoa	Cấp cứu người bệnh tự sát
202	3.269	03. Nhi Khoa	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần
203	3.462	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị liệt chi trên
204	3.463	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị liệt chi dưới
205	3.464	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị liệt nửa người
206	3.467	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa
207	3.468	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
208	3.484	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
209	3.506	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị bí đại
210	3.513	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
211	3.522	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
212	3.526	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị thoái hóa khớp
213	3.527	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị đau lưng
214	3.528	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị đau mỏi cơ
215	3.529	03. Nhi Khoa	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai
216	3.1405	03. Nhi Khoa	Truyền dịch thường quy
217	3.1409	03. Nhi Khoa	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
218	3.1411	03. Nhi Khoa	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
219	3.1412	03. Nhi Khoa	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim
220	3.1413	03. Nhi Khoa	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở
221	3.1462	03. Nhi Khoa	Thở oxy gọng kính
222	3.1463	03. Nhi Khoa	Thở oxy qua mặt nạ
223	3.151	03. Nhi Khoa	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.
224	11.77	03. Nhi Khoa	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng
225	3.1515	03. Nhi Khoa	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.
226	3.1698	03. Nhi Khoa	Rạch áp xe mi
227	3.1703	03. Nhi Khoa	Cắt chỉ khâu da
228	3.1704	03. Nhi Khoa	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
229	3.1706	03. Nhi Khoa	Lấy dị vật kết mạc
230	3.1707	03. Nhi Khoa	Khám mắt
231	3.1926	03. Nhi Khoa	Điều trị viêm lợi do mọc răng
232	3.1955	03. Nhi Khoa	Nhổ răng sữa
233	3.1956	03. Nhi Khoa	Nhổ chân răng sữa
234	3.1957	03. Nhi Khoa	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
235	3.1958	03. Nhi Khoa	Chích Apxe lợi trẻ em
236	3.1959	03. Nhi Khoa	Điều trị viêm lợi trẻ em
237	3.2077	03. Nhi Khoa	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
238	3.2117	03. Nhi Khoa	Lấy dị vật tai
239	3.2118	03. Nhi Khoa	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai
240	3.2119	03. Nhi Khoa	Chích nhọt ống tai ngoài
241	3.212	03. Nhi Khoa	Làm thuốc tai
242	3.2125	03. Nhi Khoa	Lấy dáy tai (nút biểu bì)

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
243	3.219	03. Nhi Khoa	Lấy dị vật họng miệng
244	3.2191	03. Nhi Khoa	Khí dung mũi họng
245	3.2262	03. Nhi Khoa	Lấy dị vật âm đạo
246	3.2357	03. Nhi Khoa	Thụt tháo phân
247	3.2358	03. Nhi Khoa	Đặt sonde hậu môn
248	3.2387	03. Nhi Khoa	Tiêm trong da
249	3.2388	03. Nhi Khoa	Tiêm dưới da
250	3.2389	03. Nhi Khoa	Tiêm bắp thịt
251	3.239	03. Nhi Khoa	Tiêm tĩnh mạch
252	3.2391	03. Nhi Khoa	Truyền tĩnh mạch
253	3.3031	03. Nhi Khoa	Chích rạch áp xe nhỏ
254	11.12	03. Nhi Khoa	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da
255	3.3032	03. Nhi Khoa	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu
256	3.3082	03. Nhi Khoa	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu
257	3.3083	03. Nhi Khoa	Cắt lọc, khâu vết thương rạch da đầu
258	3.3265	03. Nhi Khoa	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
259	3.3325	03. Nhi Khoa	Thụt tháo đại tràng trong phình đại tràng bẩm sinh
260	3.3399	03. Nhi Khoa	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
261	3.34	03. Nhi Khoa	Lấy máu tụ tầng sinh môn
262	3.3404	03. Nhi Khoa	Khâu lại da thì 2 sau nhiễm khuẩn
263	3.3406	03. Nhi Khoa	Chích áp xe tầng sinh môn
264	3.3526	03. Nhi Khoa	Thay ống thông thận, bàng quang
265	3.3535	03. Nhi Khoa	Đặt ống thông bàng quang
266	3.3605	03. Nhi Khoa	Mở rộng lỗ sáo
267	3.3606	03. Nhi Khoa	Nong niệu đạo
268	3.3825	03. Nhi Khoa	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm
269	3.3826	03. Nhi Khoa	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
270	3.3827	03. Nhi Khoa	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
271	3.3909	03. Nhi Khoa	Chích rạch áp xe nhỏ
272	3.391	03. Nhi Khoa	Chích hạch viêm mủ
273	3.3911	03. Nhi Khoa	Thay băng, cắt chỉ
274	3.4198	03. Nhi Khoa	Test dưới da với thuốc
275	3.4193	03. Nhi Khoa	Đo độ bão hòa oxy máu qua da
276	3.4198	03. Nhi Khoa	Test dưới da với thuốc
277	3.2117	03. Nhi Khoa	Lấy dị vật tai
278	6.45	06. Tâm Thần	Liệu pháp tâm lý nhóm
279	6.46	06. Tâm Thần	Liệu pháp tâm lý gia đình
280	6.48	06. Tâm Thần	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình
281	6.49	06. Tâm Thần	Liệu pháp giải thích hợp lý
282	6.62	06. Tâm Thần	Xử trí trạng thái kích động
283	6.68	06. Tâm Thần	Cấp cứu tự sát
284	6.77	06. Tâm Thần	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần
285	7.225	07. Nội Tiết	Thay băng trên người bệnh loét loét đường
286	7.226	07. Nội Tiết	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh loét loét đường

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
287	7.231	07. Nội Tiết	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường
288	7.233	07. Nội Tiết	Gọt chai chân trên người bệnh Đái tháo đường
289	7.234	07. Nội Tiết	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
290	7.239	07. Nội Tiết	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
291	7.24	07. Nội Tiết	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
292	7.241	07. Nội Tiết	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
293	8.9	08. Y Học Cổ Truyền	Cứu
294	8.27	08. Y Học Cổ Truyền	Chườm ngải
295	8.1	08. Y Học Cổ Truyền	Chích lễ
296	8.26	08. Y Học Cổ Truyền	Bó thuốc
297	8.28	08. Y Học Cổ Truyền	Luyện tập dưỡng sinh
298	8.485	08. Y Học Cổ Truyền	Giác hơi
299	3.53	08. Y Học Cổ Truyền	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy
300	3.603	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt
301	3.604	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
302	3.605	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
303	3.606	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người
304	3.607	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa
305	3.61	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
306	3.611	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
307	3.624	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
308	3.63	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
309	3.648	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
310	3.649	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ
311	3.65	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
312	3.651	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
313	8.483	08. Y Học Cổ Truyền	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay
314	10.164	10. Ngoại Khoa	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
315	10.356	10. Ngoại Khoa	Dẫn lưu bàng quang
316	10.359	10. Ngoại Khoa	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
317	10.699	10. Ngoại Khoa	Khâu vết thương thành bụng
318	10.86	10. Ngoại Khoa	Thương tích bàn tay giản đơn
319	BS-10.1274	10. Ngoại Khoa	Thay băng
320	BS-10.1275	10. Ngoại Khoa	Cắt chỉ
321	BS-10.1276	10. Ngoại Khoa	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
322	BS-10.1294	10. Ngoại Khoa	Chăm sóc hậu môn nhân tạo
323	11.4	11. Bỏng	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
324	11.5	11. Bỏng	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
325	11.9	11. Bỏng	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em
326	11.1	11. Bỏng	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
327	11.13	11. Bỏng	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông
328	11.16	11. Bỏng	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu
329	11.77	11. Bỏng	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng
330	11.79	11. Bỏng	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt
331	11.8	11. Bỏng	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
332	11.81	11. Bỏng	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng
333	11.82	11. Bỏng	Sơ cấp cứu bỏng acid
334	11.83	11. Bỏng	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
335	11.84	11. Bỏng	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng
336	11.85	11. Bỏng	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp
337	11.86	11. Bỏng	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa
338	11.89	11. Bỏng	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
339	11.97	11. Bỏng	Tắm điều trị bệnh nhân bỏng
340	11.138	11. Bỏng	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do cồng lạnh
341	11.139	11. Bỏng	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác
342	11.14	11. Bỏng	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ
343	11.18	11. Bỏng	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới
344	12.32	12. Ung Bướu	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm
345	13.33	13. Phụ Sản	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
346	13.34	13. Phụ Sản	Cắt và khâu tầng sinh môn
347	13.35	13. Phụ Sản	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
348	13.36	13. Phụ Sản	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
349	13.37	13. Phụ Sản	Kiểm soát tử cung
350	13.38	13. Phụ Sản	Bóc rau nhân tạo
351	13.4	13. Phụ Sản	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
352	13.41	13. Phụ Sản	Khám thai
353	13.5	13. Phụ Sản	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
354	13.53	13. Phụ Sản	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
355	13.54	13. Phụ Sản	Chích áp xe tầng sinh môn

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
356	13.148	13. Phụ Sản	Lấy dị vật âm đạo
357	13.163	13. Phụ Sản	Chích áp xe vú
358	13.164	13. Phụ Sản	Khám nam khoa
359	13.165	13. Phụ Sản	Khám phụ khoa
360	13.167	13. Phụ Sản	Làm thuốc âm đạo
361	13.194	13. Phụ Sản	Ép tim ngoài lồng ngực
362	13.196	13. Phụ Sản	Khám sơ sinh
363	13.197	13. Phụ Sản	Chăm sóc rốn sơ sinh
364	13.198	13. Phụ Sản	Tắm sơ sinh
365	13.199	13. Phụ Sản	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
366	13.2	13. Phụ Sản	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
367	13.201	13. Phụ Sản	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
368	13.202	13. Phụ Sản	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
369	13.228	13. Phụ Sản	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
370	14.2	14. Mắt	Lấy dị vật kết mạc
371	14.203	14. Mắt	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
372	14.204	14. Mắt	Cắt chỉ khâu kết mạc
373	14.205	14. Mắt	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
374	14.207	14. Mắt	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
375	14.208	14. Mắt	Thay băng vô khuẩn
376	14.209	14. Mắt	Tra thuốc nhỏ mắt
377	14.21	14. Mắt	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
378	14.211	14. Mắt	Rửa cùng đồ
379	14.212	14. Mắt	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
380	14.223	14. Mắt	Khám lâm sàng mắt
381	14.29	14. Mắt	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
382	14.291	14. Mắt	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch
383	14.214	14. Mắt	Bóc giả mạc
384	14.206	14. Mắt	Bơm rửa lệ đạo
385	14.203	14. Mắt	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
386	14.204	14. Mắt	Cắt chỉ khâu kết mạc
387	14.207	14. Mắt	Chích chắp lẹo nan lông mi, chích áp xe mi kết mạc
388	14.169	14. Mắt	Chích dẫn lưu túi lệ
389	14.26	14. Mắt	Đo thị lực
390	14.205	14. Mắt	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
391	14.21	14. Mắt	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
392	14.208	14. Mắt	Thay băng vô khuẩn
393	15.56	15. Tai Mũi Họng	Chọc hút dịch vành tai
394	15.57	15. Tai Mũi Họng	Chích nhọt ống tai ngoài
395	15.58	15. Tai Mũi Họng	Làm thuốc tai
396	15.59	15. Tai Mũi Họng	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
397	15.146	15. Tai Mũi Họng	Rút meche, rút merocel hốc mũi
398	15.147	15. Tai Mũi Họng	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
399	15.212	15. Tai Mũi Họng	Lấy dị vật họng miệng
400	15.221	15. Tai Mũi Họng	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
401	15.222	15. Tai Mũi Họng	Khí dung mũi họng
402	15.301	15. Tai Mũi Họng	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
403	15.302	15. Tai Mũi Họng	Cắt chỉ sau phẫu thuật
404	15.303	15. Tai Mũi Họng	Thay băng vết mổ
405	16.39	16. Răng Hàm Mặt	Điều trị áp xe quanh răng cấp
406	16.4	16. Răng Hàm Mặt	Điều trị áp xe quanh răng mạn
407	16.41	16. Răng Hàm Mặt	Điều trị viêm quanh răng
408	16.42	16. Răng Hàm Mặt	Chích áp xe lợi
409	16.232	16. Răng Hàm Mặt	Điều trị tủy răng sữa
410	16.238	16. Răng Hàm Mặt	Nhổ răng sữa
411	16.239	16. Răng Hàm Mặt	Nhổ chân răng sữa
412	16.24	16. Răng Hàm Mặt	Chích Apxe lợi trẻ em
413	15.141	16. Răng Hàm Mặt	Nhét bắc mũi trước
414	16.241	16. Răng Hàm Mặt	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
415	16.3	16. Răng Hàm Mặt	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
416	16.301	16. Răng Hàm Mặt	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
417	18.1	18. Điện Quang	Siêu âm tuyến giáp
418	18.15	18. Điện Quang	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
419	18.16	18. Điện Quang	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
420	18.67	18. Điện Quang	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
421	18.68	18. Điện Quang	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
422	18.7	18. Điện Quang	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến
423	18.71	18. Điện Quang	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng
424	18.72	18. Điện Quang	Chụp Xquang Blondeau
425	18.73	18. Điện Quang	Chụp Xquang Hirtz
426	18.74	18. Điện Quang	Chụp Xquang hàm chéch một bên
427	18.75	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
428	18.76	18. Điện Quang	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
429	18.78	18. Điện Quang	Chụp Xquang Schuller
430	18.79	18. Điện Quang	Chụp Xquang Stenvers
431	18.8	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
432	18.85	18. Điện Quang	Chụp Xquang mỏm trâm
433	18.86	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
434	18.87	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên
435	18.89	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
436	18.9	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
437	18.91	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
438	18.92	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên
439	18.93	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
440	18.94	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn
441	18.96	18. Điện Quang	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
442	18.97	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên
443	18.98	18. Điện Quang	Chụp Xquang khung chậu thẳng
444	18.99	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo
445	18.1	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp vai thẳng
446	18.101	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo
447	18.102	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
448	18.103	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
449	18.104	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo
450	18.105	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)
451	18.106	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
452	18.107	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
453	18.108	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
454	18.109	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
455	18.11	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
456	18.111	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
457	18.112	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo
458	18.113	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè
459	18.114	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
460	18.115	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
461	18.116	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
462	18.117	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
463	18.119	18. Điện Quang	Chụp Xquang ngực thẳng
464	18.12	18. Điện Quang	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên
465	18.121	18. Điện Quang	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
466	18.122	18. Điện Quang	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo
467	18.123	18. Điện Quang	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
468	18.124	18. Điện Quang	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
469	18.125	18. Điện Quang	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
470	21.13	21. Thăm Dò Chức Năng	Nghiệm pháp dây thắt
471	21.14	21. Thăm Dò Chức Năng	Điện tim thường
472	21.105	21. Thăm Dò Chức Năng	Nghiệm pháp Atropin
473	22.19	22. Huyết Học Truyền Máu	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
474	22.2	22. Huyết Học Truyền Máu	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
475	22.21	22. Huyết Học Truyền Máu	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
476	22.22	22. Huyết Học Truyền Máu	Nghiệm pháp dây thắt

STT	MÃ KỸ THUẬT	Tên Chương	TÊN KỸ THUẬT
477	22.118	22. Huyết Học Truyền Máu	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
478	22.119	22. Huyết Học Truyền Máu	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
479	22.12	22. Huyết Học Truyền Máu	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)
480	22.138	22. Huyết Học Truyền Máu	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)
481	22.149	22. Huyết Học Truyền Máu	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
482	22.15	22. Huyết Học Truyền Máu	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
483	22.466	22. Huyết Học Truyền Máu	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giemsa soi kính hiển vi
484	23.19	23. Hóa Sinh	Đo hoạt độ ALT (GPT)
485	23.2	23. Hóa Sinh	Đo hoạt độ AST (GOT)
486	23.41	23. Hóa Sinh	Định lượng Cholesterol toàn phần
487	23.51	23. Hóa Sinh	Định lượng Creatinin
488	23.75	23. Hóa Sinh	Định lượng Glucose
489	23.158	23. Hóa Sinh	Định lượng Triglycerid
490	23.166	23. Hóa Sinh	Định lượng Urê
491	23.179	23. Hóa Sinh	Định tính beta hCG (test nhanh)
492	23.206	23. Hóa Sinh	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
493	23.234	23. Hóa Sinh	Đường máu mao mạch
494	28.1	28. Phẫu Thuật Tạo Hình - Thẩm Mỹ	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
495	28.2	28. Phẫu Thuật Tạo Hình - Thẩm Mỹ	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
496	28.33	28. Phẫu Thuật Tạo Hình - Thẩm Mỹ	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt
497	28.36	28. Phẫu Thuật Tạo Hình - Thẩm Mỹ	Khâu cắt lọc vết thương mi
498	28.137	28. Phẫu Thuật Tạo Hình - Thẩm Mỹ	Khâu cắt lọc vết thương vành tai
499	28.163	28. Phẫu Thuật Tạo Hình - Thẩm Mỹ	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
Tổng cộng 499 kỹ thuật			